

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHÁT HIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CỦA SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

TRẦN THỊ PHƯƠNG
Khoa Khoa học cơ bản,
Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Nhận bài ngày 24/6/2023. Sửa chữa xong 28/6/2023. Duyệt đăng 05/7/2023.

Abstract

Innovating teaching methods, improving the quality of teaching and learning, promoting positivity and developing learners' competencies are among the key goals of a fundamental and comprehensive reform of education. The article focuses on studying the application of problem-solving teaching methods to develop students' ability to detect and solve problems in the process of teaching General Chemistry at Viet Tri University of Industry.

Keywords: *Learners, problem-solving teaching method, problem-solving skills.*

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy được tính tích cực và phát triển các năng lực cho người học là một trong các mục tiêu then chốt của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay [1]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế xác định: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học" [2]. Vì vậy, lựa chọn PPDH hiện đại, trong đó có phương pháp giải quyết vấn đề để tích cực hóa hoạt động học tập của người học; phát triển tối ưu và tối đa khả năng của từng người học theo định hướng nghề nghiệp trong tương lai là biện pháp đang được quan tâm, nghiên cứu và vận dụng trong việc đổi mới PPDH đối với nhiều môn học ở các trường đại học ở nước ta hiện nay. Bài viết tập trung nghiên cứu việc vận dụng PPDH giải quyết vấn đề trong dạy học môn Hóa học đại cương ở Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về PPDH giải quyết vấn đề

2.1.1. Khái niệm vấn đề và tình huống có vấn đề

Vấn đề là những câu hỏi hay nhiệm vụ đặt ra mà việc giải quyết chúng chưa có quy luật sẵn có

Email: phuongtranltp@gmail.com

cũng như những kiến thức, kinh nghiệm đã có chưa đủ để giải quyết vấn đề đó mà còn có khó khăn, cản trở cần vượt qua.

Tình huống có vấn đề là tình huống mà khi đó mâu thuẫn khách quan của bài toán nhận thức được người học chấp nhận như một vấn đề học tập mà họ cần và có thể giải quyết được, kết quả là họ nắm được kiến thức mới. Tình huống có vấn đề có những đặc điểm chung là: Có chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, có tác dụng kích thích hoạt động học tập, tư duy của người học và phù hợp với khả năng của người học. Vì vậy, tình huống có vấn đề chỉ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một mục đích cần đạt tới, nhận biết được một nhiệm vụ cần giải quyết nhưng chưa tìm ra được phương án để quyết vấn đề.

2.1.2. Bản chất của dạy học giải quyết vấn đề

Bản chất của dạy học giải quyết vấn đề là người dạy đặt ra trước người học các vấn đề của khoa học (dạng bài toán nhận thức) và mở ra cho người học những con đường giải quyết vấn đề đó, việc điều khiển quá trình thu nhận kiến thức của người học được thực hiện theo phương pháp tạo ra một hệ thống những tình huống có vấn đề, các điều kiện đảm bảo để giải quyết những tình huống đó và những chỉ dẫn cụ thể cho người học trong quá trình giải quyết vấn đề. Như vậy, dạy học giải quyết vấn đề không phải là PPDH riêng lẻ mà là tổ hợp nhiều phương pháp vận dụng tình huống có vấn đề và dạy người học giải quyết vấn đề giữ vai trò trung tâm. Dạy học giải quyết vấn đề có khả năng thâm nhập vào hầu hết các PPDH khác và làm cho tính chất của chúng trở nên tích cực hơn.

Dạy học giải quyết vấn đề có các nét đặc trưng cơ bản như: Giảng viên (GV) đặt ra trước người học một loạt bài toán nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái phải tìm (vấn đề khoa học); Người học tiếp nhận mâu thuẫn của bài toán nhận thức như mâu thuẫn của nội tâm mình và được đặt vào tình huống có vấn đề, tức là trạng thái có nhu cầu bên trong bức thiết muốn giải quyết bằng được bài toán đó; Trong quá trình giải quyết vấn đề người học lĩnh hội một cách tự giác, tích cực cả về kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề, do đó có được niềm vui của quá trình nhận thức sáng tạo. Như vậy, nét đặc trưng chủ yếu của dạy học giải quyết vấn đề là sự lĩnh hội tri thức diễn ra thông qua việc tổ chức cho người học hoạt động nêu và giải quyết các vấn đề. Sau khi giải quyết vấn đề người học sẽ thu nhận được kiến thức mới, kinh nghiệm mới hoặc thái độ học tập tích cực.

2.1.3. Quy trình, các bước của PPDH nêu vấn đề

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng PPDH nêu vấn đề. Không phải nội dung nào trong dạy học môn học cũng cần vận dụng PPDH nêu vấn đề. Chỉ những nội dung chứa đựng tình huống có vấn đề, nội dung khó, phức tạp... mới cần vận dụng PPDH nêu vấn đề.

Bước 2: Xác định kiến thức đã có và kiến thức, kỹ năng, năng lực cần hình thành cho người học trong tình huống thực tiễn đã chọn.

Bước 3: Xây dựng tình huống có vấn đề từ nội dung dạy học đã lựa chọn nhằm đảm bảo yêu cầu giải quyết vấn đề của người học trên cơ sở kiến thức đã có và kiến thức thu thập được từ nguồn thông tin, thực tiễn.

Bước 4: Đưa người học vào giải quyết các tình huống có vấn đề từ nội dung dạy học đã lựa chọn.

Bước 5: Xây dựng đáp án, lời giải và kiểm tra tính chính xác, khoa học của các phương án giải quyết các tình huống có vấn đề của người học.

2.2. Vận dụng PPDH nêu vấn đề trong dạy học Hóa học ở Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Vận dụng lý luận về PPDH nêu vấn đề trong dạy học trên đây, trong dạy học Hóa học ở Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì được tiến hành theo quy trình, các bước như sau:

Ví dụ 1: Vận dụng phương pháp giải quyết tình huống có vấn đề để dạy học nội dung về điều chế và ứng dụng của axetilen.

Bước 1: Lựa chọn nội dung. Điều chế và ứng dụng của axetilen.

Bước 2: Xác định kiến thức đã có và kiến thức cần hình thành. Kiến thức đã có: Khái niệm, đặc

điểm, tính chất hóa học của axetilen. Kiến thức mới cần hình thành: Điều chế và ứng dụng của axetilen; khả năng thực hành thí nghiệm.

Bước 3: Xây dựng tình huống có vấn đề. Từ nội dung về điều chế và ứng dụng của axetilen. Axetilen là chất khí không mùi nhưng khi được điều chế từ đất đèn thì axetilen có mùi khó chịu gọi là mùi đất đèn. Vì sao có hiện tượng này? Đất đèn tác dụng với nước ngay ở nhiệt độ thường để tạo thành axetilen, vậy trong phòng thí nghiệm cần bảo quản đất đèn bằng cách nào? Vì sao khi ném đất đèn xuống ao nuôi cá thì cá ở khu vực đó sẽ bị chết?

Bước 4: Đưa người học vào giải quyết các tình huống có vấn đề từ nội dung dạy học đã lựa chọn.

Trước đây công nghiệp dầu khí chưa phát triển, người ta điều chế axetilen bằng cách cho đất đèn tác dụng với nước. Đất đèn được sản xuất trong công nghiệp bằng cách nung vôi sống với than đá trong lò điện. Canxi cacbua là thành phần chính có trong đất đèn nên canxi cacbua dùng để thắp sáng bằng cách đốt khí axetilen tạo ra từ chất này. Ngày nay, đất đèn được dùng để điều chế một lượng nhỏ khí axetilen trong phòng thí nghiệm hoặc dùng trong các cơ sở hàn xì thủ công nhỏ.

a) Từ than đá, đá vôi và các chất vô cơ cần thiết có sẵn. Hãy lập sơ đồ điều chế đất đèn và axetilen (từ đất đèn). Viết phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra.

b) Axetilen là chất khí không mùi nhưng khi được điều chế từ đất đèn thì axetilen có mùi khó chịu gọi là mùi đất đèn. Vì sao có hiện tượng này?

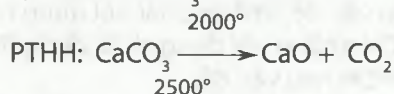
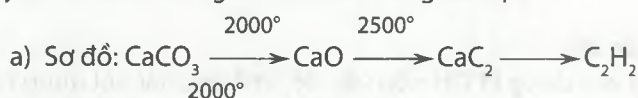
c) Đất đèn tác dụng với nước ở ngay nhiệt độ thường để tạo thành axetilen, vậy trong phòng thí nghiệm cần bảo quản đất đèn bằng cách nào?

d) Có ý kiến cho rằng khi ném đất đèn xuống ao nuôi cá thì cá ở khu vực đó sẽ bị chết. Để giải thích nguyên nhân cá chết có 2 ý kiến. Theo em, ý kiến nào đúng? Vì sao?

+ Ý kiến 1: Đất đèn tác dụng với nước tạo ra axetilen, sau đó, C_2H_2 tác dụng với nước tạo thành andehit (chính andehit là nguyên nhân làm cho cá chết).

+ Ý kiến 2: Đất đèn tác dụng với nước tạo ra dung dịch $Ca(OH)_2$, muối sunfua và hỗn hợp khí gồm axetilen, H_2S , PH_3 và NH_3 (chính môi trường kiềm của $Ca(OH)_2$ và muối sunfua là nguyên nhân làm cho cá chết).

- **Bước 5:** Xây dựng đáp án, lời giải và kiểm tra tính chính xác, khoa học của các phương án giải quyết các tình huống có vấn đề của người học.



b) Axetilen là chất khí không mùi nhưng khi được điều chế từ đất đèn thì axetilen có mùi khó chịu gọi là mùi đất đèn. Vì đất đèn thường có lẫn tạp chất trong quá trình sản xuất, do đó khi tác dụng với nước còn tạo ra hỗn hợp khí H_2S và PH_3 là nguyên nhân làm cho khí sinh ra có mùi khó chịu gọi là mùi đất đèn.

c) Trong phòng thí nghiệm đất đèn được bảo quản trong dầu hỏa.

d) Theo ý kiến:

+ Ý kiến 1: Không đúng vì axetilen tác dụng với nước để tạo thành andehit phải có chất xúc tác là $HgSO_4$ và ở nhiệt độ $80^\circ C$.

+ Ý kiến 2: Đúng vì đất đèn thường có lẫn tạp chất trong quá trình sản xuất, do đó khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch $Ca(OH)_2$, muối sunfua và hỗn hợp khí gồm axetilen, H_2S , PH_3 và NH_3 (chính môi trường kiềm của $Ca(OH)_2$ và muối sunfua là nguyên nhân làm cho cá chết).

Ví dụ 2: Vận dụng phương pháp giải quyết tình huống có vấn đề để dạy học nội dung tính chất vật lí của ancol. Khi tổ chức các hoạt động học tập trong dạy học bài 40 ancol về nội dung

tính chất vật lí của ancol, với mục tiêu người học phải hiểu bản chất của quá trình sôi (quá trình chuyển từ phân tử lỏng thành hơi nói chung là phụ thuộc vào phân tử khối), từ đó mới thấy “mâu thuẫn” kiến thức về giá trị nhiệt độ sôi ($t^{\circ}s$) trên cơ sở đó hình thành khái niệm “liên kết hiđro” giữa các phân tử và ảnh hưởng của nó đối với nhiệt độ sôi, tính tan của các chất trong nước. GV có thể sử dụng bài tập sau để phối hợp tổ chức theo dạy học giải quyết vấn đề.

Bước 1: Lựa chọn nội dung. Nội dung tính chất vật lí của ancol.

Bước 2: Xác định kiến thức đã có và kiến thức kỹ năng cần hình thành. Kiến thức đã có: Tên các chất ($\text{CH}_3\text{-CH}_3$; CH_3OH ; CH_3F ; CH_3OCH_3 ; H_2O), với các số liệu (M , g/mol; $t^{\circ}\text{nc}$, $^{\circ}\text{C}$; $t^{\circ}s$, $^{\circ}\text{C}$; Độ tan, g/100g H_2O) của một số chất trên; $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan trong nước của các chất phụ thuộc vào khối lượng mol phân tử, độ phân cực của phân tử. Kiến thức mới cần hình thành: Giải thích được: Nguyên nhân của $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan trong nước của CH_3OH cao hơn nhiều so với các chất có khối lượng tương đương?; $t^{\circ}s$ của nước cao hơn $t^{\circ}s$ của CH_3OH mặc dù phân tử khối của nước nhỏ hơn?

Bước 3: Xây dựng tình huống có vấn đề. Cho người học quan sát bảng số liệu sau và cho biết:

Các số liệu	Tên các chất				
	$\text{CH}_3\text{-CH}_3$	CH_3OH	CH_3F	CH_3OCH_3	H_2O
M , g/mol	30	32	34	46	18
$t^{\circ}\text{nc}$, $^{\circ}\text{C}$	-172	-98	-142	-138	4
$t^{\circ}s$, $^{\circ}\text{C}$	-89	65	-78	-24	100
Độ tan, g/100g H_2O	0,007		0,25	7,6	

- Có điều gì bất thường xảy ra đối với các số liệu của CH_3OH so với các chất khác (trừ H_2O)? Yếu tố nào ảnh hưởng đến điều đó?

- Vì sao phân tử nước có khối lượng mol phân tử nhỏ hơn khối lượng mol phân tử CH_3OH nhưng lại có $t^{\circ}\text{nc}$, $t^{\circ}s$ cao hơn?

- Vì sao CH_3OH lại tan nhiều trong nước? Khi tan trong nước có sự hình thành các dạng liên kết giữa các loại phân tử nào? (ancol-ancol; ancol-nước; nước-nước).

- Từ bảng số liệu: $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan của CH_3OH không tuân theo quy luật đã có (cao hơn hẳn $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan của các chất có M tương đương).

- Giải thích vì sao CH_3OH lại có $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan trong nước cao hơn các chất có M tương đương?; Vì sao $t^{\circ}s$ của CH_3OH ($M=32$) lại thấp hơn $t^{\circ}s$ của nước ($M=18$).

Bước 4: Đưa người học vào giải quyết các tình huống có vấn đề từ nội dung dạy học đã lựa chọn. Từ cách làm trên, GV tổ chức cho SV tìm hiểu làm rõ vấn đề, phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề và giải quyết vấn đề, từ đó rút ra nhận xét, kiến thức mới cần thu nhận.

Các nhóm thảo luận, đề xuất giả thuyết, hướng giải quyết vấn đề: Các phân tử CH_3OH liên kết với nhau chặt chẽ hơn các phân tử của các chất khác; Các phân tử CH_3OH liên kết với nhau theo dạng liên kết được tạo ra như thế nào?; Nhóm nguyên tử nào gây ra dạng liên kết này?; So với liên kết giữa phân tử H_2O thì liên kết nào mạnh hơn? Vì sao?

- **Bước 5:** Xây dựng đáp án, lời giải và kiểm tra tính chính xác, khoa học của các phương án giải quyết các tình huống có vấn đề của người học.

- $t^{\circ}s$, $t^{\circ}\text{nc}$, độ tan trong nước của CH_3OH cao hơn nhiều so với các chất có khối lượng tương đương là do ảnh hưởng của liên kết hiđro tạo ra giữa các phân tử CH_3OH với nhau và giữa phân tử CH_3OH với phân tử nước.

- $t^{\circ}s$ của nước cao hơn $t^{\circ}s$ của CH_3OH mặc dù phân tử khối của nước nhỏ hơn là do liên kết hiđro giữa các phân tử nước bền hơn (mạnh hơn) liên kết hiđro giữa các phân tử CH_3OH và phân tử nước phân cực mạnh hơn phân tử CH_3OH .

Ví dụ 3: Khi nghiên cứu tính chất đặc trưng của glixerol, GV có thể tạo tình huống có vấn đề và hướng dẫn người học giải quyết vấn đề.

Bước 1: Lựa chọn nội dung. Tính chất đặc trưng của glixerol.

Bước 2: Xác định kiến thức đã có và kiến thức kỹ năng cần hình thành. Xác định kiến thức đã có: Hiểu biết về CuSO_4 , NaOH , ancol etylic, glixerol, $\text{Cu}(\text{OH})_2$... Kiến thức cần hình thành: glixerol, ancol etylic cùng là ancol, nhưng ancol mà glixerol lại phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ còn ancol etylic không có phản ứng này; Glixerol có 3 nhóm OH trong phân tử nên tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo thành đồng (II) glixerat màu xanh lam...

Bước 3: Xây dựng tình huống có vấn đề. Hãy tiến hành thí nghiệm sau: Cho lần lượt 1 ml CuSO_4 5% và 2 ml dung dịch NaOH 10% vào ống nghiệm. Gạn lấy kết tủa thu được chia thành 2 phần rồi cho lần lượt vào 2 ống nghiệm.

+ Ống (1) cho tiếp 1 ml ancol etylic vào lắc mạnh rồi để yên. Quan sát hiện tượng, giải thích và viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra (nếu có)?

+ Ống (2) làm tương tự ống (1) nhưng thay ancol etylic bằng glixerol thì hiện tượng xảy ra như thế nào? Hãy tiến hành thí nghiệm để kiểm chứng.

+ GV tổ chức cho SV tiến hành thí nghiệm ở ống (1) cho ancol etylic vào ống nghiệm chứa $\text{Cu}(\text{OH})_2$. Người học thu được kiến thức ancol etylic không tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

+ Tổ chức cho người học dự đoán hiện tượng ống nghiệm (2), từ kiến thức rút ra được thí nghiệm (1), người học dự đoán glixerol là ancol nên cũng không tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

+ Tổ chức cho người học làm thí nghiệm kiểm nghiệm, hiện tượng thí nghiệm thu được khác với dự đoán, kết tủa $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tan tạo dung dịch màu xanh lam ($\text{Cu}(\text{OH})_2$ tác dụng được với glixerol).

- Xuất hiện tình huống có vấn đề và các vấn đề cần giải quyết: + Vì sao cùng là ancol mà glixerol lại phản ứng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ còn ancol etylic không có phản ứng này?; + Sản phẩm tạo ra là chất gì? Liên kết được hình thành trong phân tử chất đó?; + Ngoài glixerol còn có những ancol nào khác cũng có tính chất này?

- **Bước 4:** Đưa người học vào giải quyết các tình huống có vấn đề từ nội dung dạy học đã lựa chọn. GV cung cấp thông tin, cùng người học giải quyết vấn đề và trả lời câu hỏi nghiên cứu trên.

- **Bước 5:** Xây dựng đáp án, lời giải và kiểm tra tính chính xác, khoa học của các phương án giải quyết các tình huống có vấn đề của người học.

+ Glixerol có 3 nhóm OH trong phân tử nên tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo thành đồng (II) glixerat màu xanh lam và viết PTHH của phản ứng xảy ra.

+ Chất tạo thành là phức chất đồng (II) glixerat, có liên kết cho nhận giữa cặp electron chưa sử dụng của nguyên tử O trong nhóm OH (liên kết trong glixerol) với obitan d trống của Cu^{2+} .

+ Các ancol đa chức có các nhóm OH cạnh nhau trong phân tử mới có phản ứng này nên phản ứng này được dùng để phân biệt ancol đơn chức và ancol đa chức, nhận biết glixerol và các poliancol có nhóm OH liên kết với nguyên tử C cạnh nhau.

Việc vận dụng PPDH giải quyết vấn đề trên đây, thông qua các tình huống có vấn đề gây nên ở SV lòng mong muốn giải quyết vấn đề, kích thích SV tư duy tích cực, học tập, hướng vào việc tiếp thu những kiến thức mới, kỹ năng, kỹ xảo mới. Kết quả là họ đạt được tri thức mới hoặc phương pháp hành động mới. Điều đó, chứng tỏ dạy học giải quyết vấn đề đã góp phần phát triển được năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề cho SV bằng cách đặt họ vào tình huống có vấn đề và giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình học tập môn học.

3. Kết luận

Đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy được tính tích cực và phát triển các năng lực cho người học là đòi hỏi khách quan của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Trong những năm qua thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đã rất quan tâm, coi trọng đổi mới phương thức đào tạo, hình thức tổ chức và PPDH, coi trọng vận dụng các PPDH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Bài viết bước đầu tập trung, đi sâu nghiên cứu, hệ thống hóa lý thuyết về phương pháp giải quyết vấn đề và vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học môn Hóa học ở Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì. Việc

vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học môn Hóa học đại cương ở nhà trường đã phát huy được hiệu quả, giá trị của nó, kích thích được tính tích cực học tập của người học, người học chủ động tham gia quá trình học tập, giải quyết vấn đề và tìm tòi, lĩnh hội, làm chủ tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề; nhờ đó, chất lượng, hiệu quả dạy học từng bước được nâng cao, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2016), *Lí luận dạy học hiện đại, đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Vũ Quốc Chung, Nguyễn Văn Khải, Cary J. Trexler, James Cameron, John Timothy Denny, Nguyễn Bá Kim, Norio Kato, Peter Thursby, Sean McGough, Ryuichi Sugiyama and Teresa San Buenaventura (2011), *Tăng cường năng lực sư phạm cho giáo viên các trường đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Khanh (2020), *Hóa học đại cương*, NXB Đại học Bách khoa, Hà Nội.
- [5] Huỳnh Gia Bảo, Huỳnh Công Đoàn, Đinh Thúy Lan, Nguyễn Cẩm Lai (2019), *Các nguyên tắc phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong dạy học Hóa học Đại cương Vô cơ ở Trường Cao đẳng Y tế*, Tạp chí Hóa học và Ứng dụng, số 4(48), tr. 65-69.
- [6] Huỳnh Gia Bảo, Ngô Thị Kim Lan, Nguyễn Thị Thùy Lan (2019), *Thiết kế hoạt động tự học theo dạy học dự án trong dạy học Hóa học Đại cương Vô cơ nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên ở Trường Cao đẳng Y tế*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 19 tháng 7, tr. 19-23.
- [7] Nguyễn Cường (2007), *Phương pháp dạy học ở trường phổ thông và đại học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Cường, Nguyễn Mạnh Dung, Nguyễn Thị Sửu (2000), *Phương pháp dạy học Hóa học (tập 1)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN KỸ NĂNG...

Tiếp theo trang 281

5. Kết luận

Chiến lược cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của SV không chuyên là một công việc không phải trong một sớm một chiều. Theo Krashen (1987) việc lưu loát trong nói ngoại ngữ không chỉ đạt được thông qua việc rèn luyện nói mà còn bằng khả năng nghe hiểu và đọc hiểu [6]. Nói cách khác, nói tốt là kết quả của mức độ thông hiểu chứ không phải nguyên nhân. Vì vậy, GV cần kết hợp các kỹ năng khác trong việc học Tiếng Anh để hỗ trợ cho kỹ năng nói mới giúp SV nâng cao kỹ năng này.

Việc rèn luyện phải có thời gian để thay đổi thói quen học ngoại ngữ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp trong tình hình mới. Kỹ năng trên phải được bồi dưỡng, rèn luyện liên tục, có sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học. Do đó, GV ngoài công tác giảng dạy còn làm công việc truyền lửa, động viên, khuyến khích SV, gợi cho các em thấy tầm quan trọng của ngoại ngữ chính là "sinh ngữ". Điều quan trọng nhất là sự cầu thị, động cơ, thái độ và chiến lược học của bản thân từng SV tạo nên sự thành công đó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bueno, A., D. M. & McLaren, N. (eds.) (2006). *TEFL in Secondary Education (Dạy Tiếng Anh như ngoại ngữ ở giáo dục trung học cơ sở)*. Granada: Editorial Universidad de Granada (NXB Đại học Granada).
- [2] Brown, G. and G. Yule. (1983). *Teaching the Spoken Language (Dạy ngôn ngữ Nói)*. Cambridge: Cambridge University Press (NXB Đại học Cambridge).
- [3] Chanel, A.L., and T.L. Burk (1998). *Teaching Oral Communication in Grades K-8 (Dạy giao tiếp tiếng Anh cho các lớp K8)*. Boston: Allyn&Bacon (NXB Allyn&Bacon).
- [4] Hoàng Văn Vân (2010), *Dạy tiếng Anh không chuyên ở các trường đại học Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Mennim, P. (2003). *Rehearsed oral output and reactive focus on form (Diễn tập các hoạt động Nói và tập trung phản ứng vào hình thức)*. ELT Journal, 57/2 in Harmer, J. (2007). *The practice of English language Teaching* (Tạp chí ELT 57/2 in Harmer, J. (2007). *Thực hành dạy Ngôn ngữ Anh*). U.K: Longman (NXB Longman).
- [6] Krashen, S.D. (1987). *Principles and practice in second language acquisition (Những quy tắc và thực hành trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)*. U.K: Prentice - Hall International (NXB Prentice Hall International).